

Số: 2017/TB-SGDĐT

Kiên Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO

Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 1643-CTr/BCSD của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân tỉnh

Thực hiện Chương trình hành động số 1643-CTr/BCSD ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 08/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (văn bản kèm theo).

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đề nghị các phòng thuộc Sở GDĐT, các Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GDĐT tổ chức thực hiện:

1. Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong công chức, viên chức và người lao động của đơn vị Chương trình hành động số 1643-CTr/BCSD nêu trên cùng các văn bản có liên quan.

2. Tích cực phối hợp với các ngành chức năng tại địa phương thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Trên đây là Thông báo của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện Chương trình hành động số 1643-CTr/BCSD của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Các Phòng GDĐT;
- Cơ sở GD trực thuộc;
- Website;
- Lưu: VT, lahuỵ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Hóa

Kiên Giang, ngày 07 tháng 6 năm 2023

Số 1648-CTr/BCSD

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 08/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 08/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (gọi tắt là *Chương trình hành động số 33-CTr/TU*) về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16-6-2022 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là *Nghị quyết số 19-NQ/TW*); Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh xây dựng Chương trình hành động với những nội dung như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt sâu sắc và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 08/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp và Nhân dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống cho người nông dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Yêu cầu

Đảm bảo vai trò lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý, điều hành tập trung của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các ngành, tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện thành công nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động số 33-CTr/TU.

Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; phân công trách nhiệm cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cấp, các ngành gắn với kiểm tra, đánh giá định kỳ trong triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của toàn ngành nông, lâm, thủy sản, bình quân là 4,5 – 5%/năm; trong đó, nông nghiệp 3,5%/năm, lâm nghiệp 2 – 2,5%/năm, thủy sản 6 – 6,5%/năm; cơ cấu kinh tế khu vực nông – lâm – thủy sản chiếm 19,1%.
- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (theo giá hiện hành) tăng khoảng 1,6 lần so với năm 2025 (tương đương 96 triệu đồng/người/năm).
- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99%, trong đó có 65% số hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội dưới 35%. Phân đầu tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm còn dưới 2% so với số hộ dân cư nông thôn.
- Toàn tỉnh có 100% số xã và đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới; tỉ lệ xã và huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tương ứng theo giai đoạn không thấp hơn kết quả bình quân của khu vực đồng bằng sông Cửu Long.
- Giá trị sản lượng bình quân trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 170 - 200 triệu đồng, trong đó giá trị sản lượng bình quân trồng trọt đạt 140 - 150 triệu đồng/ha.
- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì 11%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Phân đầu tốc độ tăng trưởng và cơ cấu kinh tế khu vực nông- lâm- thủy sản bình quân không thấp hơn bình quân khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (theo giá hiện hành) cơ bản tiệm cận với khu vực thành thị; cơ bản dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội dưới 30%.

Hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn theo hướng chuẩn nông thôn. Tỷ lệ xã và huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới

kiểu mẫu tương ứng theo giai đoạn không thấp hơn kết quả bình quân của khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

III- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn

Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn để đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn; thu hút lao động có trình độ cao về làm việc ở nông thôn.

Bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ nông dân và cư dân nông thôn nâng cao năng lực quản trị, phát triển sản xuất kinh doanh; tạo sinh kế, việc làm ổn định, tiếp cận các nguồn lực, tiến bộ khoa học - công nghệ; chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm, khuyến khích, nâng nhanh tỉ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Bố trí ổn định dân cư khu vực biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng, khu kinh tế - quốc phòng, vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai. Ưu tiên nguồn lực đầu tư đối với các huyện, xã có tỉ lệ hộ nghèo cao. Tiếp tục hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở, đất sản xuất, tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống.

Phát huy vai trò của Hội Nông dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học - công nghệ; đẩy mạnh các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng gia đình, ấp văn hoá.

2. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế của từng vùng, địa phương. Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giảm phát thải khí nhà kính... Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phát triển mạnh công nghiệp sản xuất giống cây trồng và vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát triển giống bản địa có giá trị cao; có cơ chế phù hợp để thúc đẩy các viện, trường, doanh nghiệp nghiên cứu, chọn, tạo giống; nâng cao năng lực tự chủ trong sản xuất thức ăn chăn nuôi; đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị, vật tư nông nghiệp. Tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp; thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng. Phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống kỹ thuật chuyên ngành thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, động vật, quản lý an toàn thực phẩm. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng; xử lý nghiêm vi phạm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

Về trồng trọt, bố trí cơ cấu cây trồng, theo hướng ổn định diện tích lúa vừa bảo đảm an ninh lương thực vừa phục vụ xuất khẩu; xây dựng vùng lúa chuyên canh tập trung chất lượng cao theo mô hình cánh đồng lớn, hợp tác, liên kết sản xuất gắn với bao tiêu sản phẩm, chế biến sản phẩm theo chuỗi giá trị và yêu cầu thị trường, gắn với du lịch nông thôn. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng hiệu quả chất lượng cao, nhất là mô hình tôm lúa, tổ chức xây dựng và triển khai ứng dụng các mô hình du lịch nông nghiệp, du lịch nông thôn hiệu quả.

Về chăn nuôi, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô lớn gắn với kiểm soát thú y và hoạt động giết mổ tập trung, bảo đảm vệ sinh môi trường; hướng dẫn nông dân chăn nuôi theo hướng VietGAP, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi, rút ngắn thời gian nuôi, giảm chi phí giá thành chăn nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, gia trại thân thiện với môi trường. Kiên quyết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung. Phát triển các giống đặc sản, chăn nuôi hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, lợi thế cạnh tranh. Xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm, lạm

dụng kháng sinh, hoá chất không rõ nguồn gốc trong chăn nuôi; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống thú y, đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh.

Về thủy sản, quan tâm đầu tư đồng bộ, hiện đại các hạ tầng thiết yếu phục vụ nuôi trồng thủy sản và nghề cá; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ven biển, hải đảo gắn với Đề án phát triển nuôi biển theo định hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ ngư dân, đầu tư khai thác thủy sản trên các vùng biển xa bờ. Chuyển đổi ngành nghề và phương thức đánh bắt để nâng cao chất lượng đánh bắt và bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản. Xây dựng, triển khai chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; quản lý khai thác biển đảo một cách bền vững, giữ gìn và bảo vệ môi trường biển. Tập trung tái cơ cấu đội tàu đánh bắt hải sản xa bờ, giảm dần số tàu khai thác hải sản ven bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động ngư dân thực hiện tốt các quy định trong đánh bắt thủy sản; kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn tình trạng khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), không để xảy ra tình trạng tàu cá và ngư dân của tỉnh vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp tại vùng biển nước ngoài.

Về lâm nghiệp, thường xuyên chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đặc dụng. Triển khai tốt các giải pháp ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, lấn chiếm đất rừng. Huy động sự tham gia của toàn xã hội vào công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; nâng cao năng suất, giá trị rừng trồng; nghiên cứu phát triển, trồng tái tạo các loài cây bản địa, góp phần nâng cao độ che phủ rừng và nâng cao chất lượng rừng. Phát động phong trào trồng rừng theo quy hoạch và kế hoạch hằng năm. Phát triển kinh tế rừng, có cơ chế đặc thù để bảo đảm vừa làm tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng, vừa tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân sống ở khu vực có rừng. Kết hợp khai thác các loại hình du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng; đa dạng hoá các chuỗi sản phẩm du lịch; thực hiện quản lý chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường rừng và tạo sinh kế cho cộng đồng trong khu vực và lân cận.

3. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Xây dựng và tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển công nghiệp, dịch vụ. Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trình độ tổ chức sản xuất kinh doanh của nông dân và người dân nông thôn. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện cụ thể tại địa phương, khuyến khích các hoạt động khởi nghiệp hướng về khu vực nông thôn; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn trong

sản xuất nông nghiệp, chế biến, thương mại; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, từng bước giảm tình trạng di cư lao động nông thôn ra thành thị. Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống.

4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá

Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

5. Triển khai và thực hiện các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, nông dân

Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp; thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có đất thu hồi theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật. Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020. Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh; nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng. Áp dụng chính sách đủ mạnh để khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

6. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

Đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp, xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu lớn; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ công lập, kết hợp đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, thực hiện khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học - công nghệ, tạo đột phá về giống cây trồng, vật nuôi. Đổi mới công tác khuyến nông, khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp; theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số.

Hỗ trợ thành lập các vườn ươm công nghệ, trung tâm khởi nghiệp, quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông

thôn. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp, nông dân, nông thôn liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành.

Tạo đột phá trong phát triển nhân lực, đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, tận dụng hiệu quả cơ hội Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đổi mới toàn diện hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, nhất là lao động trẻ, đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, khoa học - công nghệ, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu lao động ở nông thôn, chuyển đổi nghề nghiệp và xuất khẩu lao động. Có chiến lược nâng cao năng suất lao động, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tư nhân tham gia đào tạo nghề, phát triển thị trường lao động ở nông thôn.

7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh. Quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn kết với phát triển đô thị, khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển bền vững kinh tế nông thôn. Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cả về số lượng, chất lượng; chống sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, thoái hoá đất, trọng tâm là Đề án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, sạt lở bờ biển, bờ sông, giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng, chống phá rừng, suy giảm chất lượng rừng; nâng cao chất lượng và trữ lượng rừng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm. Bảo vệ, phát triển bền vững nguồn lợi thủy, hải sản, bảo tồn đa dạng sinh học.

Bảo đảm an ninh, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững nguồn nước. Khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường; thu hút doanh nghiệp đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn, trước hết là tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung.

8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ

Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản. Giữ ổn định các thị trường truyền thống, phát triển thị trường mới, đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch. Làm tốt công tác truyền thông, kịp thời cung cấp thông tin về các cam kết quốc tế và sự thay đổi chính sách của các thị trường nhập khẩu. Triển khai hiệu quả, thiết thực công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn

Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phát huy vai trò, sự vào cuộc tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa Chương trình hành động thành kế hoạch tổ chức thực hiện; ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu được nêu trong Chương trình hành động này.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để tích cực, phối hợp với các ngành chức năng thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TU và Chương trình hành động này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện. *T. Thu*

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- TV BCS Đảng UBND tỉnh,
- UBND tỉnh,
- Đảng ủy các Sở, ban, ngành tỉnh,
- Các huyện, thành ủy và UBND các huyện, TP,
- LĐVP UBND tỉnh, Phòng: KT, TH,
- Lưu: hsbcsd, tvhung.

**T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG
BÍ THƯ**



T. Thu
Lâm Minh Thành